



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2010



HÀ NỘI - THÁNG 03 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-4) 3.938 0098 Fax: (84-4) 3.938 0127

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm tài chính năm Báo Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) đã thực hiện các công việc và kết quả như sau:

Kiểm soát chung và đánh giá

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành, kinh doanh trong lĩnh vực Chứng khoán và Dịch vụ tài chính. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 120/2010/QĐ-CTD ngày 01/12/2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dịch vụ tài chính theo Quyết định số 120/2010/QĐ-CTD ngày 01/12/2010.

MỤC LỤC		TRANG
NỘI DUNG		
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN		04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH		11 - 20

169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-4) 3.938 0098 Fax: (84-4) 3.938 0127

169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty các ngày và tháng như sau:

Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Minh Tuấn (Chủ tịch)
- Ông Nguyễn Văn Tuấn (Ủy viên)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Ủy viên)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Ủy viên)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Ủy viên)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Ủy viên)

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch)
- Ông Nguyễn Văn Hùng (Chủ tịch)

3184-
G TY
M HỮU
VÀ ĐỊNH
NAM
-TP-

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 05/12/2007 và Quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của các cổ đông	Số cổ phần
1.	Nguyễn Minh Tuấn	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8.100.000
2.	Nguyễn Minh Thu	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.430.000
3.	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	2.025.000
4.	Phạm Thị Minh Hải	137D, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	945.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 938 0098

Fax: (84-4) 938 0127

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn | Chủ tịch | |
| - Bà Nguyễn Minh Thu | Ủy viên | |
| - Ông Ngô Quang Nam | Ủy viên | |
| - Bà Phạm Thị Minh Hải | Ủy viên | |
| - Bà Nguyễn Ngọc Bảo | Ủy viên | (Miễn nhiệm ngày 24/10/2010) |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|---------------------------|--|
| - Ông Ngô Quang Nam | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2010) |
| - Bà Lê Thị Mai | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/7/2010) |
| - Ông Nguyễn Thanh Trường | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/08/2010) |
| - Ông Hoàng Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/7/2010) |
| - Ông Nguyễn Hồng Quang | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2010) |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(Tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG



Nguyễn Minh Tuấn
Chủ tịch hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

7 B
ĐN
Đ P
NG
TÂY
EM





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 182 -11/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được lập ngày 12 tháng 02 năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 20 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp trộn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương cho năm tài chính 2010:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		157.423.441.609	134.359.575.959
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.195.194.838	79.738.901.499
1 Tiền	111	V.1	19.595.194.838	14.412.483.322
2 Các khoản tương đương tiền	112	V.2	2.600.000.000	65.326.418.177
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.484.322.939	54.142.727.413
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.5	43.744.909.723	54.142.727.413
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.260.586.784)	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	97.889.960.151	469.596.667
1 Phải thu của khách hàng	131		192.030.314	192.030.314
2 Trả trước cho người bán	132		559.659.580	273.222.480
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2.199.290.417	-
5 Các khoản phải thu khác	138		95.061.663.620	4.343.873
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(122.683.780)	-
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		853.963.681	8.350.380
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.349.580
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		801.328.181	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		52.635.500	6.000.800
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		13.063.679.964	16.047.451.302
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		11.946.687.732	14.869.595.663
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.827.845.974	7.258.580.065
- Nguyên giá	222		12.814.274.742	11.749.260.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.986.428.768)	(4.490.680.119)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7	6.118.841.758	7.611.015.598
- Nguyên giá	228		9.294.477.983	9.204.624.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.175.636.225)	(1.593.608.785)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		1.116.992.232	1.177.855.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	204.444.703	972.792.996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	912.547.529	205.062.643
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		170.487.121.573	150.407.027.261

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		33.344.077.759	13.296.345.900
I Nợ ngắn hạn	310		33.344.077.759	13.296.345.900
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		961.000.000	-
3 Người mua trả tiền trước	313		-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	210.432.704	467.530.268
5 Phải trả người lao động	315		-	393.695.834
6 Chi phí phải trả	316	V.12	517.713.212	186.975.493
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	-
9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		443.784.351	158.594.000
10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	V.13	31.185.508.675	12.010.735.680
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
13 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		25.638.817	78.814.625
II Nợ dài hạn	330		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		137.143.043.813	137.110.681.361
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14	137.143.043.813	137.110.681.361
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		210.594.401	210.594.401
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.932.449.412	1.900.086.960
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		170.487.121.573	150.407.027.261

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

Phạm Văn Đại

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
1 Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3 Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5 Ngoại tệ các loại	005	771.29	768.93
6 Chứng khoán lưu ký	006	329,746,510,000	151,464,620,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	313,035,290,000	151,464,620,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	15,068,520,000	16,963,730,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	286,720,990,000	96,961,990,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	11,245,780,000	37,538,900,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	013	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	116,000,000	-
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	116,000,000	-
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	16,500,600,000	-
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	16,500,600,000	-
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	94,620,000	-
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	94,620,000	-
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-

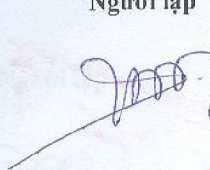
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

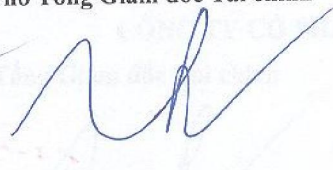
Người lập

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị



Phạm Văn Đại



Lê Thị Mai



Nguyễn Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu	01		29.012.141.232	31.454.772.291
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		14.024.546.534	15.486.366.443
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		8.626.433.300	9.575.103.480
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	1.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		394.961.420	1.258.790.236
Doanh thu lưu ký CK	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	2.000.000
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác*	01.9		5.966.199.978	5.131.512.132
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		29.012.141.232	31.454.772.291
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		22.521.905.702	10.153.056.073
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		6.490.235.530	21.301.716.218
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.362.216.183	6.229.356.180
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30		128.019.347	15.072.360.038
11 Thu nhập khác	31		40.935.077	15.657.888
12 Chi phí khác	32		36.737.909	98.801
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.197.168	15.559.087
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		132.216.515	15.087.919.125
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		58.115.474	491.386.936
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		74.101.041	14.596.532.189
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5	1.081

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

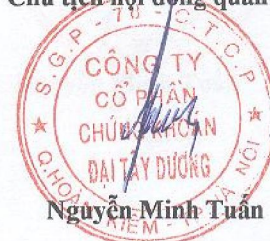
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

Phạm Văn Đại

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK			
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	5.631.914.024	149.963.598.245
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(9.518.910.208)	(156.761.359.277)
3 Tiền chi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(684.793.500)	(80.925.387)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	3.543.973.490.586	5.177.814.574.730
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(3.537.490.850.069)	(5.152.039.267.340)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10	(23.045.000)	(1.949.814.971)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(4.642.490.624)	(3.263.037.150)
11 Tiền đã nộp thuế TNDN	13	(1.313.566.278)	(60.750.316)
12 Tiền thu khác	14	4.840.455.147	35.632.960.436
13 Tiền chi khác	15	(5.943.885.742)	(35.891.518.999)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK</i>	20	<i>(5.171.681.664)</i>	<i>13.364.459.971</i>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(906.424.808)	(1.027.117.644)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	35.000.000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	120.866.345.661	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	(176.898.488.778)	29.000.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.531.542.928	5.040.322.349
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(52.372.024.997)</i>	<i>33.013.204.705</i>
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	164.393.539.854
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(164.393.539.854)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(57.543.706.661)	46.377.664.676
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.738.901.499	33.361.236.823
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	22.195.194.838	79.738.901.499

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

Phạm Văn Đại

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 375/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2010.

Địa chỉ: Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.938 0098

Fax: (84-4) 3.938 0127

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương với 13.500.000 cổ phần.

Đến thời điểm 31/12/2010 cơ cấu cổ đông của Công ty là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8.100.000	60,00%
Nguyễn Minh Thu	2.430.000	18,00%
Ngô Quang Nam	2.025.000	15,00%
Phạm Thị Minh Hải	945.000	7,00%
Tổng cộng	13.500.000	100,00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên: 52 người

Trong đó nhân viên quản lý: 09 người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	03 - 04
- Dụng cụ quản lý	04

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, phần mềm thiết kế giao diện và phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

* Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Phần mềm kế toán	03
- Phần mềm thiết kế giao diện	03 - 04
- Phần mềm giao dịch	04 - 07

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Theo giá trị mua vào thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo giá trị tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư chỉ được trích lập đối với các chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty chỉ trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ là 3 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	79.934.992	416.989.408
Tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán	11.804.185.428	1.302.030.489
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	7.711.074.418	12.693.463.425
Tổng cộng	19.595.194.838	14.412.483.322
2. Các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	65.326.418.177
Ngân Hàng XNK Việt Nam	-	19.085.109.636
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Hà Thành	-	23.500.000.000
Ngân hàng TMCP các DN ngoài quốc doanh	-	11.741.308.541
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	-	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.600.000.000	-
Tổng cộng	2.600.000.000	65.326.418.177

3. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
1. Của Công ty chứng khoán	2.169.230	68.838.270.000
- Cổ phiếu	2.169.230	68.838.270.000
- Trái phiếu	-	-
2. Của người đầu tư	212.700.642	5.838.251.553.000
- Cổ phiếu	212.700.642	5.838.251.553.000
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	214.869.872	5.907.089.823.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

4. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo số kế toán	Giá trị trích lập dự phòng do giảm giá	Đơn vị tính: VND
				Giá trị sau trích lập dự phòng
I - CK thương mại	-	-	-	-
II - CK đầu tư	1.506.852	42.036.089.723	(7.260.586.784)	34.775.502.939
- CK sẵn sàng để bán	1.506.852	42.036.089.723	(7.260.586.784)	34.775.502.939
- CK nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	1.506.852	42.036.089.723	(7.260.586.784)	34.775.502.939

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	42.036.089.723	54.142.727.413
- Chứng khoán niêm yết	42.036.089.723	54.142.727.413
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(7.260.586.784)	-
Tổng cộng	34.775.502.939	54.142.727.413

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2010. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2010.

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định			
Số dư đầu kỳ	11.563.600.204	185.659.980	11.749.260.184
Số tăng trong kỳ	1.151.314.558	-	1.151.314.558
Mua sắm mới	1.151.314.558	-	1.151.314.558
Số giảm trong kỳ	86.300.000	-	86.300.000
Thanh lý	86.300.000	-	86.300.000
Số cuối kỳ	12.628.614.762	185.659.980	12.814.274.742
Giá trị đã hao mòn			
Đầu kỳ	4.393.982.219	96.697.900	4.490.680.119
Tăng trong kỳ	2.506.809.004	46.414.992	2.553.223.996
Giảm trong kỳ	57.475.347	-	57.475.347
Số cuối kỳ	6.843.315.876	143.112.892	6.986.428.768
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	7.169.617.985	88.962.080	7.258.580.065
Cuối kỳ	5.785.298.886	42.547.088	5.827.845.974

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định		
Số dư đầu kỳ	9.204.624.383	9.204.624.383
Số tăng trong kỳ	89.853.600	89.853.600
- Mua sắm mới	89.853.600	89.853.600
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý	-	-
Số cuối kỳ	9.294.477.983	9.294.477.983
Giá trị đã hao mòn		
Đầu kỳ	1.593.608.785	1.593.608.785
Tăng trong kỳ	1.582.027.440	1.582.027.440
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	3.175.636.225	3.175.636.225
Giá trị còn lại		
Đầu kỳ	7.611.015.598	7.611.015.598
Cuối kỳ	6.118.841.758	6.118.841.758

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sửa văn phòng	-	325.433.430
Chi phí trước hoạt động	-	73.735.239
Chi phí công cụ dụng cụ	204.444.703	552.602.821
Chi phí khác	-	21.021.506
Tổng cộng	204.444.703	972.792.996
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	144.056.102	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	454.122.623
Thuế thu nhập cá nhân	66.376.602	13.407.645
Tổng cộng	210.432.704	467.530.268
10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	201.099.596	201.099.596
- Tiền nộp bổ sung	684.793.500	-
- Tiền lãi phân bổ trong năm	26.654.433	3.963.047
Tổng cộng	912.547.529	205.062.643

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

12. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước phí giao dịch 2 sàn	218.260.182	186.975.493
Trích trước tiền lương tháng 13, thưởng tết	299.453.030	-
Cộng	517.713.212	186.975.493

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả về giao dịch chứng khoán	30.610.935.446	11.992.285.680
Các khoản phải trả, phải nộp khác	574.573.229	18.450.000
Cộng	31.185.508.675	12.010.735.680

14. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2010	Phát sinh trong kỳ		31/12/2010
		Tăng	Giảm	
Vốn chủ sở hữu				
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
7.Quỹ đầu tư phát triển	210.594.401	-	-	210.594.401
8.Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.900.086.960	74.101.041	41.738.589	1.932.449.412
Tổng cộng	137.110.681.361	74.101.041	41.738.589	137.143.043.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	58.115.474	491.386.937
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	58.115.474	491.386.937

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Tiền chờ thanh toán bù trừ với TTLK	7.711.074.418	12.693.463.425
Cộng	7.711.074.418	12.693.463.425

VIII. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 31/12/2009 của Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phạm Văn Đại

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Lê Thị Mai

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Minh Tuấn

